

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: **4060**/UBND-KT

V/v công khai tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng
đầu năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2020

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Công văn số 9505/BTC-NSNN ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về công khai ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015.

Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện thu – chi ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2020 theo báo cáo của Sở Tài chính tại Công văn số 6542/STC-THTK&QLN ngày 13 tháng 10 năm 2020; Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo như sau:

1. Thông nhất công khai tình hình thực hiện thu – chi ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2020 (*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

2. Giao Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công khai số liệu và thuyết minh ước thực hiện thu – chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2020 trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB: CT, PCT/TT;
- VPUB: CVP, PCVP/KT;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, (KT/Cg). **05.**



Nguyễn Thành Phong



**PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

*(Đính kèm Công văn số 4060/UBND-KT ngày 21 tháng 10 năm 2020
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách thành phố năm 2020;

Tình hình ước thực hiện thu – chi ngân sách thành phố 09 tháng đầu năm 2020 trên địa bàn thành phố như sau:

1. Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Dưới tác động của dịch bệnh Covid-19, tình hình sản xuất – kinh doanh trên địa bàn thành phố gặp nhiều khó khăn, giá dầu thô trên thế giới sụp giảm tác động đến số thu dầu thô trong nước, cộng với việc triển khai các chính sách giảm, giãn thuế để hỗ trợ cho doanh nghiệp theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất đã làm số thu ngân sách nhà nước 09 tháng đầu năm 2020 đạt 62,00% so với dự toán và bằng 87,53% so với cùng kỳ, cụ thể:

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước: ước thực hiện là **251.616,732 tỷ đồng**, đạt **62,00%** dự toán và bằng **87,53%** so với cùng kỳ. Trong đó:

- **Thu nội địa:** ước thực hiện **167.967,954 tỷ đồng**, đạt **60,28%** dự toán và bằng **92,16%** so với cùng kỳ.

- **Thu từ dầu thô:** ước thực hiện **8.600,508 tỷ đồng**, đạt **70,50%** dự toán và bằng **50,27%** so với cùng kỳ.

- **Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:** ước thực hiện **75.004,487 tỷ đồng**, đạt **65,22%** dự toán và bằng **85,16%** so với cùng kỳ.

1.2. Thu ngân sách địa phương: ước thực hiện **52.491,116 tỷ đồng**, đạt **57,33%** dự toán và bằng **90,91%** so với cùng kỳ.

2. Chi ngân sách địa phương:

Ước chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2020 (không tính tạm ứng và chuyển giao giữa các cấp ngân sách) là **48.211 tỷ đồng**, đạt **47,24%** dự toán, tăng **16,1%** so với cùng kỳ. Trong đó:

- **Chi đầu tư phát triển:** 14.364 tỷ đồng, đạt 39,79% dự toán, tăng 9,88% so cùng kỳ; chiếm tỷ trọng 33,49% tổng chi cân đối ngân sách.

- **Chi thường xuyên:** 27.969 tỷ đồng, đạt 59,95% dự toán, tăng 9,14% so cùng kỳ.

Căn cứ định mức, dự toán đã được phê duyệt, thành phố điều hành chi theo quy định của Luật ngân sách nhà nước (2015) và các quy định hiện hành. Dịch bệnh Covid-19 phát sinh ngoài dự kiến, mức độ ảnh hưởng rộng, vì vậy, ngoài khoản dự phòng đã bố trí đầu năm, Thành phố còn rà soát, cắt giảm các khoản chi không cần thiết, đánh giá lại các khoản chi dự kiến không triển khai trong năm, điều chỉnh giảm hệ số tăng thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức, cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của 6 tháng cuối năm 2020 ... để dành nguồn bối trí cho công tác phòng chống dịch, thực hiện các chính sách an sinh do Trung ương ban hành./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2: CÂN ĐỔI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Đính kèm Công văn số 4060/UBND-KT ngày 21 tháng 10 năm 2020
 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	91.560.859	52.491.116	57,33	90,91
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	35.110.000	20.942.797	59,65	75,33
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	40.377.960	24.227.815	60,00	95,97
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
4	Thu kết dư năm trước		12.007		
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		3.509.995		170,93
6	Thu viện trợ		4.500		155,23
7	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.693.145	3.750.219	43,14	144,73
8	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên	7.379.754			
9	Các khoản huy động, đóng góp		43.783		87,22
B	TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	102.048.059	48.211.158	47,24	116,10
I	Chi cân đối NSDP	93.354.914	42.890.389	45,94	109,43
1	Chi đầu tư phát triển	36.103.906	14.364.087	39,79	109,88
2	Chi thường xuyên	46.650.000	27.968.854	59,95	109,14
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.607.948	557.448	34,67	112,85
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400	0		
5	Dự phòng ngân sách	3.500.000	0		
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	6.287.938	0		
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	8.693.145	5.320.769	61,21	227,96
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GÓC	3.791.927	160.099	4,22	98,54

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**PHỤ LỤC 3: ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

(Đính kèm Công văn số 4060/UBND-KT ngày 21 tháng 10 năm 2020
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	405.828.000	251.616.732	62,00	87,53
I	Thu nội địa	278.628.000	167.967.954	60,28	92,16
1	Thu từ khu vực DN NN	28.522.000	18.120.096	63,53	100,83
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	75.900.000	43.384.354	57,16	92,18
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	76.846.000	43.402.493	56,48	90,28
4	Thuế thu nhập cá nhân	46.100.000	31.754.953	68,88	105,94
5	Thuế bảo vệ môi trường	12.000.000	7.453.539	62,11	96,62
6	Lệ phí trước bạ	7.800.000	3.913.615	50,17	73,25
7	Các loại phí, lệ phí	4.800.000	3.382.439	70,47	80,56
8	Các khoản thu về nhà, đất	15.600.000	7.864.662	50,41	56,57
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		268		163,41
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300.000	313.809	104,60	95,00
-	Thu tiền sử dụng đất	10.000.000	5.148.040	51,48	52,20
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	5.000.000	2.172.024	43,44	61,78
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	300.000	230.521	76,84	118,63
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	4.563.000	3.881.632	85,07	130,38
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	3.465.000	2.652.572	76,55	97,75
12	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản khác, thu từ bán tài sản nhà nước và thu khác	3.032.000	2.157.599	71,16	93,41
II	Thu từ dầu thô	12.200.000	8.600.508	70,50	50,27
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	115.000.000	75.004.487	65,22	85,16
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	70.530.000	51.595.100	73,15	89,85
2	Thuế XNK, thuế TTĐB hàng hóa nhập khẩu	44.470.000	22.892.934	51,48	75,62
3	Thu khác		516.453		137,83

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
IV	Thu viện trợ				
V	Các khoản huy động, đóng góp		43.783		87,22
B	THU NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	91.560.859	52.491.116	57,33	90,91
1	Thu NSDP theo phân cấp:	75.487.960	45.170.612	59,84	85,16
	- Từ các khoản thu phân chia	40.377.960	24.227.815	60,00	95,97
	- Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	35.110.000	20.942.797	59,65	75,33
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		3.509.995		170,93
3	Thu viện trợ		4.500		155,23
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.693.145	3.750.219	43,14	144,73
5	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên	7.379.754			
6	Các khoản huy động, đóng góp		43.783		87,22
7	Thu kết dư ngân sách		12.007		

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



**PHỤ LỤC 4: UỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

(Đính kèm Công văn số 4060/UBND-KT ngày 21 tháng 10 năm 2020
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	UỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	102.048.059	48.211.158	47,24	116,10
A	CHI CÂN ĐÓI NSDP	93.354.914	42.890.389	45,94	109,43
I	Chi đầu tư phát triển	36.103.906	14.364.087	39,79	109,88
1	Chi đầu tư cho các dự án		13.376.730		106,80
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		17.000		
3	Chi đầu tư phát triển khác		970.357		177,18
III	Chi thường xuyên	46.650.000	27.968.854	59,95	109,14
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	15.980.921	9.434.482	59,04	105,87
2	Chi khoa học và công nghệ	1.036.705	846.355	81,64	134,52
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.150.070	1.803.117	57,24	127,24
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	510.159	269.965	52,92	86,20
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	73.215	41.524	56,72	111,46
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	568.753	273.001	48,00	96,01
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.249.827	2.218.388	52,20	99,73
8	Chi sự nghiệp kinh tế	7.514.176	3.817.488	50,80	124,78
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	8.266.842	5.205.628	62,97	101,97
10	Chi bảo đảm xã hội	2.978.367	2.673.589	89,77	127,38
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.607.948	557.448	34,67	112,85
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400		0,00	
V	Dự phòng ngân sách	3.500.000		0,00	
VI	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	6.287.938		0,00	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	8.693.145	5.320.769	61,21	227,96
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	69		21,84
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	8.198.552	4.920.023	60,01	254,36
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	494.593	400.677	81,01	100,29

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ